

Bản án số: 1691/2018/DS-ST

Ngày: 29/11/2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai

2. Ông Đặng Tùng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 763/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Thị T là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 68/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 22/5/2018.)

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Quốc H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường B, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (sau đây gọi tắt Ngân hàng) bà Chu Thị T trình bày: Ngày 17/7/2014, ông Phan Quốc H có đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để vay tiêu dùng số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 19/7/2014 Ngân hàng phê duyệt theo giấy đề nghị vay vốn kiêm ký hợp đồng tín dụng số 20140717-100001-0005 cho ông Phan Quốc H vay số tiền 42.000.000 đồng bao gồm vay tiêu dùng 40.000.000 đồng, phí bảo hiểm 2.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày 19/7/2014, khoản trả hàng tháng 1.900.000 đồng, ngày thanh toán vào ngày 19, lãi suất vay 35%/năm là 2.92%/tháng. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 68.395.000 đồng bao gồm gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.900.000 đồng, tháng cuối trả 1.895.000 đồng. Theo lịch trả nợ thì ông H bắt đầu trả gốc và lãi từ ngày 19/8/2014 kết thúc hợp đồng là ngày 19/7/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông H đã nhận đủ tiền vay và thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 19 đợt tổng số tiền 28.212.000 đồng bao gồm gốc 16.920.481 đồng và tiền lãi 11.291.519 đồng, từ ngày 28/02/2018 cho đến nay ông H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng.

Do ông H không thanh toán đúng theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 40.183.000 đồng gồm: Nợ gốc 25.079.519 đồng, lãi 15.103.481 đồng của hợp đồng tín dụng số 20140717-100001-0005 ngày 19/7/2014, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Quốc H không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa: Hội đồng xét xử xem xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện nguyên đơn bà T ngày 24/10/2018 yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Quốc H trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 40.183.000 đồng bao gồm: Nợ gốc 25.079.519, lãi 15.103.481 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140717-100001-0005 ngày 19/7/2014, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn ông Phan Quốc H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện bị đơn ông H trả số tiền vay còn thiếu phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng ngày 19/7/2014 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông H có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Đường B, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

[1.3] Bị đơn ông H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.4] Căn cứ giấy ủy quyền ngày 06/11/2018 của ông Phan Quốc H ủy quyền cho bà Trương Thị H thì nội dung của giấy ủy quyền này không nêu thời hạn, phạm vi đại diện thực hiện công việc cụ thể do ông H ủy quyền cho bà H là không phù hợp qui định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 134, Điều 138, Điều 140, Điều 141 của Bộ luật Dân sự 2015 qui định nên giấy ủy quyền không hợp lệ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận bà Trương Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H;

[1.5] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông

H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng TMCP B buộc bị đơn ông Phan Quốc H trả tổng số tiền 40.183.000 đồng bao gồm: Nợ gốc 25.079.519 đồng và nợ lãi 15.103.481 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140717-100001-0005 ngày 19/7/2014, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1.1] Về số nợ gốc:

[2.1.1.1] Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 17/7/2014 của ông Phan Quốc H với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 19/7/2014 Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng số 20140717-100001-0005, phê duyệt cho ông H vay tiêu dùng số tiền 40.000.000 đồng, phí bảo hiểm 2.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày 19/7/2014, khoản trả hàng tháng 1.900.000 đồng, lãi suất vay 35%/năm ngày thanh toán hàng tháng là ngày 19 hàng tháng. Theo kế hoạch trả nợ và Công văn số 1128/CV-AAA/BHCN ngày 08/6/2018 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm A thì thể hiện ông H có tham gia bảo hiểm và Ngân hàng đã giải ngân cho ông H số tiền vay 40.000.000 đồng ngày 19/7/2014 theo bảng kê giải ngân;

[2.1.1.2] Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.”*, và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;”*. Vậy, theo hợp đồng, lịch trả nợ thì ông H phải thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng bắt đầu từ ngày 19/8/2014 với số tiền thanh toán hàng tháng là 1.900.000 đồng, ngày thanh toán cuối cùng ngày 19/7/2017. Theo lịch sử thanh toán của ông H trả Ngân hàng thì thể hiện ông H thanh toán được 19 đợt nhưng ngày thanh toán, số tiền thanh toán không đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, lịch trả nợ với tổng số tiền thanh toán 28.212.000 đồng bao gồm gốc 16.920.481 đồng, lãi 11.291.519 đồng từ ngày 19/8/2014 cho đến ngày thanh toán lần cuối ngày 28/02/2018 là thanh toán không đầy đủ, không đúng thời hạn theo lịch trả nợ là ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán

theo thỏa thuận của hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông H trả nợ gốc 25.079.519 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng số 20140717-100001-0005 ngày 19/7/2014 là phù hợp với qui định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Về số nợ lãi:

[2.1.2.1] Căn cứ tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”*;

[2.1.2.2] Căn cứ tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”*, thì Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng số 20140717-100001-0005 ngày 19/7/2014 giữa các bên thỏa thuận thì Ngân hàng cho ông H vay số tiền 42.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 35%/năm là phù hợp với qui định của pháp luật;

[2.1.2.3] Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng số 20140717-100001-0005 ngày 19/7/2014 và lịch trả nợ thì ông H phải trả số tiền gốc và lãi trong thời hạn 36 tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 19/8/2014, mỗi tháng vào ngày 19 hàng tháng ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền 1.900.000 đồng và thời hạn cuối thanh toán là ngày 19/7/2017, nhưng theo lịch sử thanh toán thì thể hiện ông H có thanh toán nhưng ngày thanh toán, số tiền thanh toán không đúng theo thỏa thuận của hợp đồng và lịch trả nợ với tổng số tiền thanh toán 28.212.000 đồng bao gồm gốc 16.920.481 đồng, lãi 11.291.519 đồng từ ngày 19/8/2014 cho đến ngày thanh toán lần cuối ngày 28/02/2018 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu buộc ông H phải trả lãi số tiền 15.103.481 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B được chấp nhận số tiền là 2.009.150 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 134, Điều 138, Điều 140, Điều 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phan Quốc H trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền 40.183.000 đồng bao gồm: Nợ gốc 25.079.519 đồng và lãi 15.103.481 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140717-100001-0005 ngày 19/7/2014.

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Quốc H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Phan Quốc H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.009.150 đồng bà ông Phan Quốc H phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.004.575 đồng theo biên lai thu số 0020843 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B và bị đơn ông Phan Quốc H vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSQ.3
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn